

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng
2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 21, ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: Tổ 24, ấp BM, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 21, ấp ĐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung N chung sống với nhau vào năm 2015 DL, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT vào năm 2018. Sau khi kết hôn anh chị ra sống riêng trên đất của ba mẹ chồng cho ở nhờ.

Trong thời gian chung sống với anh N chị nhận thấy không được hạnh phúc, nguyên nhân do anh N cộc cằn, thô lỗ, thường xuyên đi nhậu về đánh chị vì thương con nên chị chịu đựng, đến cuối năm 2021 chị phát hiện anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, cha mẹ anh N nhiều lần khuyên can nhưng không được, đến ngày 04-4-2022 chị dẫn con về nhà mẹ ruột sống đến nay, sau khi chị đi anh N đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống nên vợ chồng không bàn việc đoàn tụ với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 người là cháu Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07-02-2017 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng anh N không đến và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, sau đó anh có đơn xin vắng mặt gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N. Về con chung: Giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tiến và anh Nhân vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh, chị có đơn xin vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện GD vào năm 2018. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thô lỗ, cọc cằn, thường xuyên đi nhậu về đánh chị, không chăm lo cho gia đình và con cái, đến cuối năm 2021 chị T phát hiện anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thông qua tin nhắn nói chuyện, chị và gia đình khuyên can nhiều lần nhưng anh Nhân không nghe. Đến ngày 04-4-2022 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, từ khi ly thân anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án nhiều lần Tòa án triệu tập anh Nhân để hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng anh N không đến sau đó có đơn xin vắng mặt, chị T vẫn kiên quyết ly hôn, thể hiện cả hai anh chị đều không có thiện chí để đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tiến đối với anh Nhân là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07-02-2017 hiện đang sống chung với chị T, từ khi anh chị ly thân cháu T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu T là nữ, chị T có thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu T cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh Nhân cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị T đối với anh Nguyễn Trung N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao chị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 07-02-2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0024273 ngày 27-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã HT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên

